

Số: /TB-UBND

Thần Sa, ngày tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc công khai danh sách các hộ nghèo, hộ cận nghèo được nhận hỗ trợ quà Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026 trên địa bàn xã Thần Sa

Căn cứ Công văn số 249/SNNMT-KTHT&PTNT ngày 12/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên về việc lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo để trao quà tặng Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026.

UBND xã Thần Sa thông báo công khai danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo được nhận hỗ trợ quà Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 như sau:

1. Đối tượng được nhận hỗ trợ quà Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026

Đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 được công nhận theo Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND xã Thần Sa về việc công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo năm 2025 trên địa bàn xã Thần Sa. Cụ thể:

- Hộ nghèo: 226 hộ.
- Hộ cận nghèo: 235 hộ.

(Có danh sách chi tiết gửi kèm theo)

2. Thời gian niêm yết: 03 ngày làm việc, từ ngày 14/01/2026 đến hết ngày 16/01/2026.

3. Địa điểm niêm yết:

- Trụ sở UBND xã Thần Sa.
- Nhà văn hóa các xóm trên địa bàn xã.
- Hệ thống trang thông tin của xã.

Trong thời gian niêm yết, tổ chức hoặc cá nhân có ý kiến phản ánh về danh sách nhận hỗ trợ quà Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026, đề nghị gửi về UBND xã Thần Sa (qua đ/c Lê Quốc Đạt – Chuyên viên Phòng Kinh tế xã) hoặc trưởng xóm các xóm để được xem xét, tổng hợp và giải quyết theo quy định của pháp luật.

UBND xã Thần Sa thông báo để nhân dân được biết./.

Nơi nhận:

- UB MTTQVN xã;
- Đ/c Chủ tịch, các đ/c PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Các ông, bà trưởng xóm trên địa bàn xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Tạ Việt Hồng

DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO
ĐƯỢC NHẬN HỖ TRỢ QUÀ TẾT NGUYÊN ĐÁN BÌNH NGỌ NĂM 2026
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /01/2026 của UBND xã Thần Sa)

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ (xóm)
A	I. Hộ nghèo, hộ cận nghèo			
I	Hộ nghèo			
1	Phùng Văn Bình	Dao	18/07/1997	Hạ Sơn
2	Triệu Thị Sáu	Dao	26/06/1990	Hạ Sơn
3	Triệu Hữu Tư	Dao	16/09/1976	Hạ Sơn
4	Triệu Thị Nhị	Dao	25/08/1978	Hạ Sơn
5	Ma Thị Chu	Tày	10/10/1958	Hạ Sơn
6	Lê Thị Hương	Kinh	15/04/1942	Hạ Sơn
7	Triệu Trung Phương	Dao	04/03/1973	Hạ Sơn
8	Đào Văn Tu	Mông	13/04/1960	Hạ Sơn
9	Phùng Văn Sùng	Mông	01/01/1954	Hạ Sơn
10	Triệu Đức Hý	Dao	02/02/1978	Hạ Sơn
11	Triệu Văn Sỹ	Dao	13/04/1982	Hạ Sơn
12	Triệu Hữu Phủ	Dao	14/05/1947	Hạ Sơn
13	Đồng Thị Quý	Tày	01/01/1965	Hạ Sơn
14	Ma Thị Vân	Tày	01/01/1952	Hạ Sơn
15	Triệu Văn Hùng	Dao	17/11/1990	Hạ Sơn
16	Ma Văn Viên	Tày	20/04/1949	Hạ Sơn
17	Triệu Thị Chanh	Dao	10/10/1968	Hạ Sơn
18	Triệu Thị Tam	Dao	06/06/1957	Hạ Sơn
19	Triệu Thị Gia	Dao	07/07/1968	Hạ Sơn
20	Đào Văn Sùng	Mông	08/11/1953	Hạ Sơn
21	Đặng Thị Minh	Dao	03/02/1978	Hạ Sơn
22	Triệu Hữu Tân	Dao	11/01/1990	Hạ Sơn
23	Trần Ngọc Dĩnh	Tày	05/05/1974	Hạ Sơn
24	Triệu Hữu Vàng	Dao	19/9/1972	Hạ Sơn
25	Triệu Đức Tàn	Dao	26/6/1966	Hạ Sơn
26	Đào Văn Xông	Mông	01/01/1961	Kim Sơn
27	Lý Văn Sinh	Mông	23/12/1994	Kim Sơn
28	Dương Văn Tu	Mông	10/08/1995	Kim Sơn
29	Lý Văn Tân	Mông	16/07/1994	Kim Sơn
30	Ma Thị Dý	Mông	01/01/1949	Kim Sơn
31	Lý Văn Dĩa	Mông	12/09/1989	Kim Sơn
32	Ngô Văn Páo	Mông	01/01/1982	Kim Sơn
33	Lý Văn Thành	Mông	10/06/1984	Kim Sơn
34	Lý Văn Súa	Mông	10/05/1993	Kim Sơn
35	Lý Văn Nó	Mông	05/12/1993	Kim Sơn
36	Lý Văn Thùng	Mông	10/12/1970	Kim Sơn
37	Dương Văn Khìn	Mông	15/09/1996	Kim Sơn
38	Lý Văn Thành	Mông	16/10/1989	Kim Sơn
39	Lý Văn Tính	Mông	15/08/1986	Kim Sơn
40	Lý Văn Giàng	Mông	24/07/1960	Kim Sơn

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ (xóm)
41	Lý Văn Chinh	Mông	03/09/1987	Kim Sơn
42	Hoàng Văn Đăng	Mông	08/12/1992	Kim Sơn
43	Lý Thị Sóng	Mông	02/10/1967	Kim Sơn
44	Nông Văn Dĩa	Mông	03/09/1985	Ngọc Sơn
45	Ngô Văn Tu	Mông	01/01/1989	Ngọc Sơn
46	Nông Văn Vang	Mông	28/12/1962	Ngọc Sơn
47	Ngô Văn Hùng	Mông	02/08/1987	Ngọc Sơn
48	Ngô Văn Thái	Mông	12/10/1996	Ngọc Sơn
49	Ngô Văn Sừ	Mông	15/04/1960	Ngọc Sơn
50	Ngô Văn Linh	Mông	25/01/1956	Ngọc Sơn
51	Ngô Văn Lương	Mông	25/03/2003	Ngọc Sơn
52	Lý Văn Hồng	Mông	10/04/1995	Ngọc Sơn
53	Dương Văn Tự	Tày	20/05/1954	Ngọc Sơn
54	Nông Thị Sải	Mông	20/11/1989	Ngọc Sơn
55	Ngô Văn Tiến	Mông	13/12/1996	Ngọc Sơn
56	Dương Kim Long	Tày	20/02/1948	Ngọc Sơn
57	Dương Văn Hồ	Mông	21/11/1950	Ngọc Sơn
58	Triệu Hữu Tài	Dao	20/05/1982	Tân Kim
59	Triệu Văn Ngân	Dao	13/03/1994	Tân Kim
60	Triệu Văn Liên	Dao	15/06/1989	Tân Kim
61	Đặng Ý Huyện	Dao	06/11/1975	Tân Kim
62	Triệu Đức Vinh	Dao	07/02/1961	Tân Kim
63	Triệu Văn Năm	Dao	07/03/1982	Tân Kim
64	Triệu Quý Thăng	Dao	07/11/1992	Tân Kim
65	Triệu Văn Kim	Dao	21/04/1988	Tân Kim
66	Đặng Thị Tươi	Dao	24/02/1978	Tân Kim
67	Triệu Xuân Tài	Dao	06/03/1969	Tân Kim
68	Triệu Xuân Báo	Dao	25/04/1986	Tân Kim
69	Triệu Phúc Lâm	Dao	22/12/1955	Tân Kim
70	Triệu Văn Vinh	Dao	14/07/1989	Tân Kim
71	Triệu Văn Chương	Dao	23/06/1991	Tân Kim
72	Triệu Văn Quý	Dao	05/02/1987	Tân Kim
73	Lý Kim Sính	Dao	23/10/1993	Tân Kim
74	Hoàng Thị Xuân	Dao	09/12/1984	Tân Kim
75	Triệu Tiên Phương	Dao	12/03/1994	Tân Kim
76	Triệu Thị Nhị	Dao	19/10/1947	Tân Kim
77	Triệu Hữu Hiền	Dao	28/08/1986	Tân Kim
78	Triệu Thị Mai	Dao	11/03/1986	Tân Kim
79	Triệu Nguyên Tuyền	Dao	25/05/1994	Tân Kim
80	Triệu Hữu Lành	Dao	18/09/1988	Tân Kim
81	Triệu Thị Hồng	Dao	06/04/1958	Thượng Kim
82	Lý Văn Định	Dao	11/03/2000	Thượng Kim
83	Triệu Trung Vinh	Dao	03/03/1981	Thượng Kim
84	Triệu Hữu Quý	Dao	21/03/1963	Thượng Kim
85	Triệu Văn Tài	Dao	12/04/1967	Thượng Kim
86	Triệu Văn Ngân	Dao	18/02/1970	Thượng Kim

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ (xóm)
87	Đặng Quốc Khánh	Dao	02/09/2006	Thượng Kim
88	Triệu Hữu Nhất	Dao	18/11/1995	Thượng Kim
89	Triệu Trung Quảng	Dao	07/02/1985	Thượng Kim
90	Triệu Quý Minh	Dao	01/10/1993	Thượng Kim
91	Triệu Trung Quý	Dao	21/05/1967	Thượng Kim
92	Triệu Trung Minh	Dao	05/04/1970	Thượng Kim
93	Đặng Ý Cầu	Dao	20/07/1974	Thượng Kim
94	Triệu Trung Hòa	Dao	08/11/1978	Thượng Kim
95	Lý Thị Xuân	Dao	16/06/1979	Thượng Kim
96	Triệu Trung Tinh	Dao	7/3/1990	Thượng Kim
97	Triệu Phúc Thọ	Dao	10/10/1943	Thượng Kim
98	Triệu Trung Nhất	Dao	09/09/1976	Thượng Kim
99	Triệu Trung Hà	Dao	11/09/1979	Thượng Kim
100	Lường Văn Nha	Tày	08/03/1973	Trung Sơn
101	Đông Văn Chung	Tày	22/12/1947	Trung Sơn
102	Hoàng Văn Mông	Tày	07/02/1953	Trung Sơn
103	Ma Văn Dâu	Tày	30/07/1983	Trung Sơn
104	Ngô Văn Cảnh	Mông	19/09/1992	Xuyên Sơn
105	Ngô Văn Công	Mông	12/11/1994	Xuyên Sơn
106	Nông Văn Thanh	Mông	05/01/1984	Xuyên Sơn
107	Nông Văn Sự	Mông	01/01/1978	Xuyên Sơn
108	Hoàng Văn Sinh	Mông	13/09/1982	Xuyên Sơn
109	Hồng Văn Qua	Mông	01/11/1986	Xuyên Sơn
110	Nông Văn Mái	Mông	05/04/1990	Xuyên Sơn
111	Hồng Văn Tô	Mông	01/01/1990	Xuyên Sơn
112	Ngô Thị Xuân	Mông	10/12/1987	Xuyên Sơn
113	Dương Thị Đệ	Tày	18/2/1970	Xuyên Sơn
114	Lý Văn Hồng	Mông	23/9/1995	An Thành
115	Lý Văn Thành	Mông	01/01/1982	An Thành
116	Ma Thị Dự	Tày	01/01/1959	An Thành
117	Sùng Văn Sự	Mông	01/01/1976	An Thành
118	Lương Khánh Bằng	Tày	20/7/1989	An Thành
119	Lương Thị Lá	Tày	01/01/1954	An Thành
120	Dương Văn Dế	Mông	27/03/1983	Trung Thành
121	Dương Văn Mỹ	Mông	26/04/1987	Trung Thành
122	Dương Văn Sầu	Mông	01/01/1992	Trung Thành
123	Dương Văn Sỳ	Mông	02/05/1995	Trung Thành
124	Dương Văn Bình	Mông	20/8/1999	Trung Thành
125	Dương Văn Thanh	Mông	01/01/1972	Trung Thành
126	Dương Văn Vàng	Mông	20/04/1984	Trung Thành
127	Lý Thị Súng	Mông	20/07/1977	Trung Thành
128	Lý Văn Páo	Mông	18/09/1985	Trung Thành
129	Phùng Thị Sào	Mông	27/2/1970	Trung Thành
130	Lý Văn Sỹ	Mông	09/09/1987	Trung Thành
131	Lý Văn Tịnh	Mông	10/08/1990	Trung Thành
132	Lý Văn Tu	Mông	01/01/1971	Trung Thành

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ (xóm)
133	Mã Văn Chợ	Mông	06/02/1982	Trung Thành
134	Mã Văn Dĩ	Mông	15/01/1970	Trung Thành
135	Mã Văn Sài	Mông	20/09/1987	Trung Thành
136	Mã Văn Xuân	Mông	06/10/1993	Trung Thành
137	Lương Thị Xứng	Tày	11/04/1966	Trung Thành
138	Trần Văn Thành	Mông	01/01/1985	Trung Thành
139	Trần Văn Vàng	Mông	05/08/1944	Trung Thành
140	Triệu Văn Hạnh	Dao	22/02/1989	Trung Thành
141	Dương Văn Sinh	Mông	20/02/1985	Trung Thành
142	Trần Văn Mậu	Mông	04/10/1993	Trung Thành
143	Lương Thị Lam	Tày	24/04/1962	Tân Thành
144	Hậu Văn Nó	Mông	17/12/1996	Tân Thành
145	Hậu Văn Tu	Mông	01/01/1990	Tân Thành
146	Hoàng Văn Dĩa	Mông	06/01/1978	Tân Thành
147	Hoàng Văn Giảng	Mông	22/04/1993	Tân Thành
148	Hoàng Văn Kiều	Mông	11/07/1974	Tân Thành
149	Hoàng Văn Sinh (1)	Mông	05/07/1959	Tân Thành
150	Lâu Văn Mái	Mông	09/06/1982	Tân Thành
151	Lý Thị Pằng	Mông	20/10/1974	Tân Thành
152	Lý Văn Bằng	Mông	20/10/1994	Tân Thành
153	Lý Văn Chou	Mông	10/10/1976	Tân Thành
154	Lý Văn Hiền	Mông	08/08/1995	Tân Thành
155	Lý Văn Hồng (2)	Mông	12/10/1991	Tân Thành
156	Lý Văn Lù	Mông	17/06/1958	Tân Thành
157	Lý Văn Máy (1)	Mông	23/07/1985	Tân Thành
158	Lý Văn Máy (2)	Mông	22/03/1993	Tân Thành
159	Lý Văn Phình	Mông	17/01/1964	Tân Thành
160	Lý Văn Sinh	Mông	15/10/1968	Tân Thành
161	Lý Văn Sùng	Mông	02/01/1967	Tân Thành
162	Lý Văn Tinh	Mông	26/10/1995	Tân Thành
163	Lý Văn Vàng	Mông	27/09/1980	Tân Thành
164	Nông Văn Minh	Mông	03/10/1990	Tân Thành
165	Sùng Văn Châu	Mông	15/03/1977	Tân Thành
166	Lý Văn Hành	Mông	28/2/1987	Tân Thành
167	Hoàng Văn Páo	Mông	01/01/1968	Lũng Luông
168	Lý Văn Ca	Mông	12/07/1947	Lũng Luông
169	Lý Văn Dừng	Mông	16/08/1990	Lũng Luông
170	Lý Văn Đồng	Mông	16/10/1992	Lũng Luông
171	Lý Văn Nó	Mông	12/12/1973	Lũng Luông
172	Lý Văn Páo	Mông	05/01/1976	Lũng Luông
173	Lý Văn Sung	Mông	17/12/1962	Lũng Luông
174	Lý Văn Sỳ	Mông	01/01/1985	Lũng Luông
175	Lý Văn Thảo	Mông	17/01/1978	Lũng Luông
176	Lý Văn Trinh	Mông	14/07/1981	Lũng Luông
177	Lý Văn Xi	Mông	10/09/1977	Lũng Luông
178	Mã Văn Xi	Mông	27/07/1984	Lũng Luông

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ (xóm)
179	Nguyễn Văn Diện	Tày	01/01/1981	Lũng Luông
180	Trương Văn Páo	Mông	20/05/1968	Lũng Luông
181	Trương Văn Tài	Mông	07/08/1982	Lũng Luông
182	Trương Văn Thanh	Mông	05/05/1993	Lũng Luông
183	Đào Thị Xía	Mông	01/01/1973	Lũng Luông
184	Đào Văn Khìn	Mông	19/02/1995	Lũng Luông
185	Đào Văn Tài	Mông	05/12/1992	Lũng Luông
186	Đào Văn Thái (1)	Mông	10/05/1976	Lũng Luông
187	Hầu Văn Châu	Mông	12/10/1988	Lũng Luông
188	Hoàng Văn Châm	Mông	10/09/1992	Lũng Luông
189	Hoàng Văn Khê	Mông	01/01/1953	Lũng Luông
190	Hoàng Văn Khìn (1)	Mông	01/01/1980	Lũng Luông
191	Hoàng Văn Lý (2)	Mông	01/01/1968	Lũng Luông
192	Hoàng Văn Phụng	Mông	01/01/1967	Lũng Luông
193	Hoàng Văn Thánh	Mông	10/09/1972	Lũng Luông
194	Hoàng Văn Vàng	Mông	01/01/1976	Lũng Luông
195	Hồng Văn Chi	Mông	01/01/1986	Lũng Luông
196	Hồng Văn Dinh	Mông	19/08/1962	Lũng Luông
197	Hồng Văn Dũng	Mông	01/01/1983	Lũng Luông
198	Hồng Văn Khìn	Mông	10/05/1991	Lũng Luông
199	Hồng Văn Lý	Mông	08/10/1975	Lũng Luông
200	Hồng Văn Minh	Mông	09/04/1995	Lũng Luông
201	Hồng Văn Tiên	Mông	04/12/2000	Lũng Luông
202	Hồng Văn Vừ	Mông	01/01/1951	Lũng Luông
203	Lý Thị Sóng	Mông	01/01/1968	Lũng Luông
204	Lý Văn Bình	Mông	11/01/1990	Lũng Luông
205	Lý Văn Dé	Mông	29/07/1989	Lũng Luông
206	Lý Văn Dinh	Mông	01/01/1975	Lũng Luông
207	Lý Văn Khào	Mông	04/09/1974	Lũng Luông
208	Lý Văn Lâu	Mông	06/03/1992	Lũng Luông
209	Lý Văn Mỹ	Mông	01/07/1996	Lũng Luông
210	Lý Văn Pênh	Mông	14/04/1987	Lũng Luông
211	Lý Văn Sàng	Mông	01/01/1978	Lũng Luông
212	Lý Văn Xinh	Mông	06/10/1996	Lũng Luông
213	Lý Văn Tinh	Mông	01/01/1986	Lũng Luông
214	Lý Văn Tịnh	Mông	01/01/1979	Lũng Luông
215	Lý Văn Thịnh	Mông	01/03/1993	Lũng Luông
216	Mã Văn De	Mông	07/12/1979	Lũng Luông
217	Mã Văn Hậu	Mông	18/01/1985	Lũng Luông
218	Mã Văn Hồng	Mông	30/01/1970	Lũng Luông
219	Mã Văn Lý	Mông	01/12/1969	Lũng Luông
220	Mã Văn Mái	Mông	19/07/1986	Lũng Luông
221	Mã Văn Tính	Mông	15/09/1992	Lũng Luông
222	Mã Văn Tu	Mông	21/10/1978	Lũng Luông
223	Mã Văn Xinh	Mông	01/01/1976	Lũng Luông
224	Lý Văn Chờ	Mông	01/01/1994	Lũng Luông

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ (xóm)
225	Đào Văn Sinh	Mông	22/10/1954	Lũng Luông
226	Hoàng Thanh Cao	Mông	05/10/1959	Lũng Luông
II	Hộ cận nghèo			
1	Lê Thị Thì	Tày	10/09/1966	Xuyên Sơn
2	Lê Thị Bảy	Tày	13/07/1977	Xuyên Sơn
3	Triệu Hữu Duyên	Dao	26/09/1972	Hạ Sơn
4	Triệu Đức Quảng	Dao	14/02/1971	Hạ Sơn
5	Triệu Hữu Ty	Dao	17/02/1989	Hạ Sơn
6	Triệu Văn Phương	Dao	26/06/1976	Hạ Sơn
7	Triệu Đức Vàng	Dao	10/08/1979	Hạ Sơn
8	Trần Văn Hồng	Tày	13/01/1969	Hạ Sơn
9	Ma Văn Hoạch	Tày	06/09/1982	Hạ Sơn
10	Triệu Hữu Nam	Dao	06/06/1986	Hạ Sơn
11	Triệu Văn Hào	Dao	16/08/1987	Hạ Sơn
12	Triệu Hữu Thọ	Dao	17/01/1992	Hạ Sơn
13	Triệu Nho Hiện	Dao	21/06/1961	Hạ Sơn
14	Trần Văn Sự	Tày	15/05/1989	Hạ Sơn
15	Triệu Đức Lý	Dao	10/10/1945	Hạ Sơn
16	Dương Tiến Hội	Dao	25/09/1983	Hạ Sơn
17	Triệu Đức Thanh	Dao	15/04/1944	Hạ Sơn
18	Triệu Hữu Cường	Dao	28/05/1987	Hạ Sơn
19	Triệu Đức Hồng	Dao	18/03/1963	Hạ Sơn
20	Triệu Hữu Hương	Dao	17/01/1990	Hạ Sơn
21	Triệu Hữu Phúc	Dao	21/07/1993	Hạ Sơn
22	Triệu Hữu Sửu	Dao	23/9/1984	Hạ Sơn
23	Triệu Trung Chiến	Dao	01/01/1967	Hạ Sơn
24	Triệu Thị Ghén	Dao	30/9/1972	Hạ Sơn
25	Triệu Trung Ninh	Dao	26/4/1974	Hạ Sơn
26	Triệu Trung Xoan	Dao	04/03/1970	Hạ Sơn
27	Triệu Trung Thắng	Dao	09/10/1973	Hạ Sơn
28	Lường Thị Hà	Dao	20/7/1967	Hạ Sơn
29	Ma Văn Thắng	Dao	05/02/1981	Hạ Sơn
30	Triệu Đức Vượng	Dao	02/09/1961	Hạ Sơn
31	Triệu Thị Hà	Dao	28/6/1993	Hạ Sơn
32	Triệu Hữu Năm	Dao	11/05/1978	Hạ Sơn
33	Triệu Trung Chạn	Dao	10/10/1974	Hạ Sơn
34	Triệu Hồng Liên	Dao	25/7/1980	Hạ Sơn
35	Triệu Đức Phong	Dao	23/8/1979	Hạ Sơn
36	Triệu Đức Thịnh	Dao	26/11/1970	Hạ Sơn
37	Triệu Thị Hòa	Dao	18/8/1976	Hạ Sơn
38	Triệu Đức Bình	Dao	29/9/1970	Hạ Sơn
39	Triệu Văn Tiên	Dao	24/9/1983	Hạ Sơn
40	Triệu Thị Mai	Dao	16/12/1986	Hạ Sơn
41	Triệu Thị Đức	Dao	28/5/1985	Hạ Sơn
42	Ma Thị Lượng	Dao	06/10/1959	Hạ Sơn
43	Hoàng Thị Hòa	Tày	20/09/1977	Kim Sơn

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ (xóm)
44	Lường Văn Cát	Tày	05/12/1985	Kim Sơn
45	Dương Văn Pá	Mông	25/07/1975	Kim Sơn
46	Lý Văn Nùng	Mông	25/5/1964	Kim Sơn
47	Lý Văn Phùng	Mông	03/06/1962	Kim Sơn
48	Lý Văn Thanh	Mông	24/08/1979	Kim Sơn
49	Dương Văn Phình	Mông	14/01/1992	Kim Sơn
50	Đào Văn Tính	Mông	16/10/1991	Kim Sơn
51	Lý Văn Hồ	Mông	08/08/1988	Kim Sơn
52	Vương Văn Vàng	Mông	05/03/1987	Ngọc Sơn
53	Ngô Văn Ve	Mông	06/10/1979	Ngọc Sơn
54	Ngô Văn Cửa	Mông	06/07/1991	Ngọc Sơn
55	Nông Văn Báo	Mông	24/11/1967	Ngọc Sơn
56	Ngô Văn Minh	Mông	06/12/1993	Ngọc Sơn
57	Dương Văn Đại	Tày	27/02/1983	Ngọc Sơn
58	Dương Thị Huế	Tày	20/06/1984	Ngọc Sơn
59	Dương Văn Trọng	Tày	29/07/1986	Ngọc Sơn
60	Nông Văn Mông	Mông	20/04/1987	Ngọc Sơn
61	Nguyễn Trọng Phán	Tày	12/05/1979	Ngọc Sơn
62	Ngô Văn Sí	Mông	01/01/1991	Ngọc Sơn
63	Đặng Nho Khoa	Dao	25/07/1991	Tân Kim
64	Triệu Văn Long	Dao	28/03/1973	Tân Kim
65	Triệu Trung Văn	Dao	14/10/1984	Tân Kim
66	Lường Văn Đốc	Tày	20/01/1991	Tân Kim
67	Ma Văn Dương	Dao	14/06/1974	Tân Kim
68	Đặng Nguyên Cao	Dao	18/01/1969	Tân Kim
69	Đặng Nho Thăng	Dao	01/02/1968	Tân Kim
70	Triệu Hữu Bình	Dao	09/12/1989	Tân Kim
71	Đặng Nho Tiến	Dao	06/10/1982	Tân Kim
72	Triệu Văn Chu	Dao	14/10/1964	Tân Kim
73	Triệu Văn Hòa	Dao	01/04/1994	Tân Kim
74	Ngọc Văn May	Dao	20/06/1983	Tân Kim
75	Triệu Văn Hùng	Dao	10/11/1991	Tân Kim
76	Lý Hữu An	Dao	25/05/1965	Tân Kim
77	Triệu Văn Tình	Dao	04/10/1980	Tân Kim
78	Đặng Nho Hồng	Dao	01/11/1982	Tân Kim
79	Triệu Văn An	Dao	20/09/1977	Tân Kim
80	Triệu Văn Phúc	Dao	13/06/1970	Tân Kim
81	Triệu Văn Báo	Dao	25/12/1974	Tân Kim
82	Triệu Đức Sáu	Dao	16/08/1979	Tân Kim
83	Triệu Văn Báo	Dao	13/12/1977	Tân Kim
84	Triệu Xuân Kim	Dao	05/03/1965	Tân Kim
85	Triệu Văn Thông	Dao	13/07/1969	Tân Kim
86	Triệu Đức Bảo	Dao	25/02/1969	Tân Kim
87	Triệu Trung Tài	Dao	21/02/1962	Tân Kim
88	Triệu Thị Thanh	Dao	29/10/1974	Tân Kim
89	Triệu Đức Vạn	Dao	13/09/1971	Tân Kim

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ (xóm)
90	Triệu Trung Miên	Dao	03/06/1970	Tân Kim
91	Triệu Đức Ngân	Dao	15/11/1961	Tân Kim
92	Triệu Văn Phủ	Dao	16/06/1966	Tân Kim
93	Triệu Hữu Mạnh	Dao	25/08/1991	Tân Kim
94	Đặng Nguyên Phủ	Dao	17/07/1947	Tân Kim
95	Đặng Nguyên Thăng	Dao	15/06/1951	Tân Kim
96	Hoàng Phúc Lâm	Dao	28/03/1988	Tân Kim
97	Triệu Văn Sáu	Dao	14/06/1991	Tân Kim
98	Triệu Quý Đông	Dao	03/03/1995	Tân Kim
99	Triệu Văn Mạn	Dao	06/03/1996	Tân Kim
100	Triệu Hữu Tình	Dao	27/06/1961	Thượng Kim
101	Triệu Nguyên Lợi	Dao	03/05/1993	Thượng Kim
102	Triệu Trung Vinh	Dao	15/12/1950	Thượng Kim
103	Triệu Hữu Thạch	Dao	22/07/1954	Thượng Kim
104	Đặng Nho Đào	Dao	13/09/1971	Thượng Kim
105	Triệu Trung Ý	Dao	09/09/1981	Thượng Kim
106	Triệu Trung Thao	Dao	30/05/1985	Thượng Kim
107	Triệu Thị Cầu	Dao	25/02/1971	Thượng Kim
108	Triệu Đức Kim	Dao	12/08/1963	Thượng Kim
109	Triệu Trung Chu	Dao	29/08/1976	Thượng Kim
110	Ma Văn Kiều	Tày	27/01/1979	Trung Sơn
111	Đông Thị Cảnh	Tày	03/12/1959	Trung Sơn
112	Lương Thị Nữ	Tày	01/01/1969	An Thành
113	Ngô Thị Hà	Tày	11/06/1955	An Thành
114	Lương Quốc Thẩm	Tày	25/05/1980	An Thành
115	Lý Văn Phong	Mông	01/01/1976	An Thành
116	Lương Tiến Thành	Tày	10/10/1991	An Thành
117	Lương Văn Tá	Tày	03/07/1977	An Thành
118	Lương Thị Thu Đan	Tày	24/07/1993	An Thành
119	Lương Thị Đẹp	Tày	08/09/1965	An Thành
120	Lương Vũ Duyên	Tày	08/12/1976	Trung Thành
121	Ma Thị Hải	Tày	10/10/1971	Trung Thành
122	Ma Văn Quốc	Tày	23/03/1956	Trung Thành
123	Ngô Văn Danh	Tày	08/08/1979	Trung Thành
124	Lương Tiến Đường	Tày	24/02/1954	Trung Thành
125	Nguyễn Thị Thìn	Tày	18/10/1973	Trung Thành
126	Triệu Thị Xuân	Dao	13/09/1965	Trung Thành
127	Lường Thị Vòng	Tày	22/11/1980	Trung Thành
128	Ma Văn Tàng	Tày	21/05/1941	Trung Thành
129	Lý Văn Sinh	Mông	01/01/1967	Trung Thành
130	Lương Thị Hôn	Tày	26/12/1971	Trung Thành
131	Dương Văn Tu	Mông	09/12/1968	Trung Thành
132	Lương Thị Hữu	Tày	13/09/1969	Tân Thành
133	Lương Thị Uy	Tày	11/04/1979	Tân Thành
134	Lương Văn Hồng	Tày	11/06/1974	Tân Thành
135	Lương Văn Thanh	Tày	01/01/1947	Tân Thành

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ (xóm)
136	Ma Thị Tươi	Tày	11/06/1961	Tân Thành
137	Ma Văn Gia	Tày	11/01/1971	Tân Thành
138	Ma Văn Thiêm	Tày	08/10/1976	Tân Thành
139	Nguyễn Văn Thanh	Tày	12/05/1986	Tân Thành
140	Lý Thị Minh Nguyệt	Tày	02/06/1980	Tân Thành
141	Ma Thanh Truyền	Tày	26/05/1981	Tân Thành
142	Lương Xuân Hiệp	Tày	15/10/1959	Tân Thành
143	Lý Khánh Dự	Tày	02/01/1965	Tân Thành
144	Lương Thanh Lịch	Tày	30/01/1984	Tân Thành
145	Lương Văn Cán	Tày	16/12/1955	Tân Thành
146	Lương Văn Tiên	Tày	18/08/1954	Tân Thành
147	Hoàng Văn De	Mông	10/12/1989	Tân Thành
148	Lý Văn Cường	Mông	26/07/1994	Tân Thành
149	Hầu Văn Páo	Mông	15/06/1985	Tân Thành
150	Hoàng Văn Vàng	Mông	22/11/1980	Tân Thành
151	Lý Văn Sự	Mông	01/01/1970	Tân Thành
152	Hoàng Văn Sinh (2)	Mông	12/06/1991	Tân Thành
153	Lý A Dinh	Mông	07/07/1944	Tân Thành
154	Lý Văn Thắng	Mông	01/03/1993	Tân Thành
155	Lý Văn Phong	Mông	25/05/1987	Tân Thành
156	Lý Văn Xính	Mông	26/12/1972	Tân Thành
157	Lý Văn Sĩ	Mông	19/03/1978	Tân Thành
158	Lý Văn Dĩ	Mông	22/10/1985	Tân Thành
159	Hoàng Văn Phòng	Mông	18/07/1972	Tân Thành
160	Lý Văn Bình	Mông	06/08/1989	Tân Thành
161	Mã Văn Vàng	Mông	12/01/1994	Tân Thành
162	Ngô Văn Páo	Mông	16/10/1972	Tân Thành
163	Sùng Văn Mái	Mông	12/04/1990	Tân Thành
164	Vương Văn Thái	Mông	28/10/1991	Tân Thành
165	Nguyễn Văn Hăng	Tày	15/01/1973	Tân Thành
166	Hoàng Văn Dì	Mông	07/01/1969	Tân Thành
167	Trương Văn Nó	Mông	14/04/1989	Lũng Luông
168	Mã Văn De	Mông	14/07/1978	Lũng Luông
169	Đào Văn Chinh	Mông	24/10/1979	Lũng Luông
170	Đào Văn Phương	Mông	24/04/1981	Lũng Luông
171	Hoàng Văn Chinh	Mông	24/6/1990	Lũng Luông
172	Hoàng Văn Mái	Mông	06/10/1974	Lũng Luông
173	Lâu Văn Cường	Mông	18/3/1989	Lũng Luông
174	Lý Văn Đình	Mông	07/05/1982	Lũng Luông
175	Lý Văn Giảng	Mông	01/01/1989	Lũng Luông
176	Lý Văn Sinh	Mông	25/5/1990	Lũng Luông
177	Lý Văn Sung	Mông	15/1/1984	Lũng Luông
178	Lý Văn Sùng 2	Mông	01/01/1975	Lũng Luông
179	Trần Văn Mây	Mông	16/09/1985	Lũng Luông
180	Lý Văn Vinh	Mông	16/06/1977	Lũng Luông
181	Hoàng Thế Vinh	Mông	30/11/1988	Lũng Luông

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ (xóm)
182	Lý Văn Nó	Mông	01/01/1978	Lũng Luông
183	Đào Văn Sang	Mông	12/11/1950	Lũng Luông
184	Trần Văn San	Mông	16/03/1982	Lũng Luông
185	Hoàng Văn Sự	Mông	09/04/1968	Lũng Luông
186	Lý Văn Linh	Mông	13/07/1994	Lũng Luông
187	Mã Văn Dĩa	Mông	03/05/1989	Lũng Luông
188	Mã Văn Nó	Mông	16/07/1956	Lũng Luông
189	Đào Văn Hờ	Mông	15/09/1982	Lũng Luông
190	Đào Văn Khào	Mông	15/12/1986	Lũng Luông
191	Đào Văn Lồng	Mông	10/06/1988	Lũng Luông
192	Đào Văn Dừng	Mông	29/6/1986	Lũng Luông
193	Đào Văn Mài	Mông	15/05/1993	Lũng Luông
194	Đào Văn Minh	Mông	28/06/1977	Lũng Luông
195	Đào Văn Phong	Mông	21/11/1993	Lũng Luông
196	Đào Văn Sài	Mông	02/01/1980	Lũng Luông
197	Đào Văn Thái (2)	Mông	10/10/1983	Lũng Luông
198	Dương Thị Phan	Mông	19/9/1965	Lũng Luông
199	Dương Thị Xía	Mông	01/01/1963	Lũng Luông
200	Hầu Văn Lệnh	Mông	08/06/1982	Lũng Luông
201	Hoàng Văn Chợ	Mông	15/1/1970	Lũng Luông
202	Hoàng Văn Bằng	Mông	01/01/1986	Lũng Luông
203	Hoàng Văn Dĩa	Mông	28/08/1983	Lũng Luông
204	Lý Thị Minh	Mông	01/01/1990	Lũng Luông
205	Hoàng Văn Thắng	Mông	05/06/1989	Lũng Luông
206	Hoàng Văn Vừ	Mông	01/01/1972	Lũng Luông
207	Hồng Văn Sùng	Mông	01/01/1987	Lũng Luông
208	Hồng Văn Tuấn	Mông	20/08/1986	Lũng Luông
209	Lâu Văn Vàng	Mông	01/01/1985	Lũng Luông
210	Lý Văn Chả	Mông	01/01/1964	Lũng Luông
211	Lý Văn Cựa	Mông	09/09/1964	Lũng Luông
212	Lý Văn Dừng	Mông	10/08/1991	Lũng Luông
213	Lý Văn Hồng	Mông	08/05/1989	Lũng Luông
214	Lý Văn Hùng	Mông	19/07/1990	Lũng Luông
215	Lý Văn Phùng	Mông	01/01/1979	Lũng Luông
216	Lý Văn Khìn	Mông	03/07/1992	Lũng Luông
217	Lý Văn Sùng 1	Mông	09/06/1967	Lũng Luông
218	Nông Văn Chinh	Mông	28/11/1984	Lũng Luông
219	Sùng Văn Páo	Mông	19/08/1984	Lũng Luông
220	Trần Văn Khìn	Mông	11/12/1971	Lũng Luông
221	Trần Văn Sự	Mông	01/01/1977	Lũng Luông
222	Vương Thị Sâu	Mông	01/01/1975	Lũng Luông
223	Lý Văn Dĩa	Mông	01/01/1985	Lũng Luông
224	Mã Văn Bình	Mông	04/09/1972	Lũng Luông
225	Hoàng Văn Chiến	Mông	08/12/2003	Lũng Luông
226	Lâu Văn Nó	Mông	02/04/1987	Lũng Luông
227	Trần Văn Châu	Mông	13/07/1991	Lũng Luông

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ (xóm)
228	Sùng Văn Khìn	Mông	01/01/1980	Lũng Luông
229	Mã Văn Mỹ	Mông	05/09/1965	Lũng Luông
230	Dương Văn Châu	Mông	02/09/1987	Lũng Luông
231	Lâu Văn De	Mông	01/01/1983	Lũng Luông
232	Hồng Thị Dĩa	Mông	01/01/1983	Lũng Luông
233	Lý Văn Sỹ	Mông	30/12/1984	Lũng Luông
234	Vương Văn Sự	Mông	27/09/1980	Lũng Luông
235	Đào Văn Thanh	Mông	08/03/1974	Lũng Luông